TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:66/2022/QĐST- HNGĐ	*Văn Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm: 1985

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985

Đều có HKTT: Xóm 10, xã BH, huyện GT, tỉnh NĐ

Hiện đều trú tại: B1012B Sky2, KĐT Ecopark, xã PC, huyện VG, tỉnh HY

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Con chung của chị C và anh T)

- Cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 14/5/2014

- Cháu Nguyễn Nguyên A1, sinh ngày: 17/8/2018

- Cháu Nguyễn Phú A2, sinh ngày: 01/4/2020

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Khánh A, cháu Nguyên A1 và cháu Phú A2: Chị Trần Thị C

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn T.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Khánh A sinh ngày 14/5/2014, Nguyễn Nguyên A1 sinh ngày 17/8/2018 và Nguyễn Phú A2 sinh ngày 01/4/2020.

Ly hôn, chị C và anh T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Khánh A, Nguyễn Nguyên A1 và Nguyễn Phú A2 cho chị C được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 30.000.000đ/tháng/cháu (ba mươi triệu đồng một tháng một cháu) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 15/7/2022 cho đến khi cháu Khánh A, Nguyên A1 và Phú A2 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở anh T thăm nom con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Tuân không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị C tự nguyện nộp 150.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010655 ngày 23/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, chị C đã nộp đủ tiền án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Thẩm phán

(Đã ký)

Bùi Vũ Thu Giang